

Số: 833/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 29 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch tuyển sinh lớp 10
trung học phổ thông năm học 2021-2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại các Tờ trình: Số 30/TTr-SGDĐT, số 31/TTr-SGDĐT ngày 23/3/2021, số 33/TTr-SGDĐT ngày 28/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

(Có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình để xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết nhằm thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*huân*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Thái Bình, Đài PTTH Thái Bình;
- Lưu: VT, KGVX, TH *huân*





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số 833 /QĐ-UBND ngày 29/3/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Căn cứ các Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuyển đúng đối tượng, chỉ tiêu theo Kế hoạch.
2. Chỉ đạo và tổ chức tuyển sinh nghiêm túc, đúng quy chế; đảm bảo công bằng, công khai, tiết kiệm, an toàn.
3. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.
4. Chuẩn bị tốt các điều kiện bảo đảm yêu cầu trong tuyển sinh; làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh về kỳ thi; tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể phụ huynh được biết về các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo trong tổ chức tuyển sinh năm học 2021-2022.

II. TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở tại tỉnh Thái Bình và có thêm các điều kiện sau:

- Tuổi của học sinh tuyển sinh vào lớp đầu cấp trường trung học phổ thông Chuyên thực hiện theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ khá trở lên;

- Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

475 học sinh, trong đó:

- 11 lớp chuyên x 35 học sinh/lớp = 385 học sinh;

- 02 lớp không chuyên x 45 học sinh/lớp = 90 học sinh.

3. Đăng ký dự tuyển

Mỗi học sinh đủ điều kiện dự tuyển được đăng ký dự tuyển vào 01 lớp chuyên. Các lớp chuyên gồm có: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh và Tin học.

4. Hồ sơ dự tuyển

Bản sao giấy khai sinh; bản chính Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời; Đơn xin dự tuyển; Học bạ trung học cơ sở.

5. Tổ chức tuyển sinh

Thực hiện qua 02 vòng.

- Vòng 1: Tổ chức sơ tuyển theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Vòng 2: Tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua sơ tuyển vòng 1.

a) Môn thi và đề thi:

- Môn thi: Mỗi thí sinh thực hiện 04 bài thi, gồm 03 bài thi của các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (chung cho tất cả thí sinh) và 01 bài thi môn chuyên (theo đăng ký). Các môn thi chuyên gồm có: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh. Môn thi chuyên của lớp chuyên Tin học là môn Toán chuyên;

- Đề thi: Đề thi được áp dụng hình thức tự luận; riêng môn Tiếng Anh chuyên kết hợp tự luận và trắc nghiệm; môn Tiếng Anh không chuyên theo hình thức trắc nghiệm khách quan (thí sinh làm bài vào Phiếu trả lời trắc nghiệm);

- Nội dung thi: Trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9 đã được điều chỉnh theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Nội dung bài thi môn chuyên trong toàn cấp trung học cơ sở;

- Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm các bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10; điểm thành phần lấy đến 2 chữ số thập phân và không quy tròn điểm.

b) Thời gian làm bài thi:

- Các bài thi môn không chuyên: Môn Toán và môn Ngữ văn: 120 phút, môn tiếng Anh: 60 phút;

- Các bài thi môn chuyên: 150 phút.

c) Điểm xét tuyển:

- Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng điểm bài thi môn Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán và môn chuyên, trong đó môn chuyên nhân hệ số 2;

- Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên là tổng điểm bài thi môn Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán và môn chuyên.

d) Nguyên tắc xét tuyển:

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã dự thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2;

- Xét tuyển vào lớp chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn; có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi năm học lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn;

- Xét tuyển vào lớp không chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp không chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu các lớp không chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn.

6. Ngày thi: Ngày 27, 28 tháng 5 năm 2021.

III. TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

1. Đối tượng

Người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Phương thức tuyển sinh

Áp dụng phương thức thi tuyển.

2.1. Môn thi, nội dung thi:

a) Môn thi: Mỗi thí sinh thực hiện 03 bài thi: Bài thi môn Ngữ văn, Bài thi môn Toán và Bài thi môn Tiếng Anh.

Bài thi môn Toán, Ngữ văn thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 120 phút, bài thi môn Tiếng Anh thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (thí sinh làm bài vào phiếu trả lời trắc nghiệm), thời gian làm bài là 60 phút.

b) Nội dung thi: Trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9 đã được điều chỉnh theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

2.2. Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

a) Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, được chấm theo thang điểm 10; điểm thành phần lấy đến hai chữ số thập phân, không quy tròn điểm.

b) Hệ số điểm bài thi: Bài thi môn Toán, môn Ngữ văn hệ số 2; Bài thi thứ 3 hệ số 1.

2.3. Xét tuyển:

- Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã tham gia thi tuyển đầy đủ các bài thi, không vi phạm Quy chế thi ở mức hủy kết quả bài thi và điểm các bài thi phải lớn hơn 1,0 điểm;

- Điểm xét tuyển là tổng điểm ba bài thi đã tính hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên. Căn cứ chỉ tiêu được giao (bao gồm cả số học sinh được tuyển thẳng), Hội đồng tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo xét trúng tuyển từ điểm cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng tuyển sinh theo quy định.

3. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

3.1. Tuyển thẳng vào trung học phổ thông các đối tượng sau đây:

- a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;
- b) Học sinh là người dân tộc rất ít người;
- c) Học sinh khuyết tật;
- d) Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học.

3.2. Chế độ ưu tiên:

- a) Cộng 3 điểm cho một trong các đối tượng:
 - Con liệt sĩ;
 - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
 - Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.
 - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- b) Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng sau:
 - Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
 - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.
- c) Cộng 2,0 điểm cho đối tượng sau:
 - Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
 - Người dân tộc thiểu số;
 - Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các trường hợp ưu tiên khác (nếu có) thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch thi: Ngày 08, 09 tháng 6 năm 2021.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh: (Phụ lục kèm theo).

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT NGOÀI CÔNG LẬP VÀ LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường trung học phổ thông ngoài công lập, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo các quy định hiện hành.

V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI TUYỂN

1. Thành lập Hội đồng thi và các ban

- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thi, các Ban của Hội đồng thi, Điểm thi để thực hiện các công việc của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông. Hội đồng thi được sử dụng con dấu của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các văn bản liên quan công tác thi;

- Các Ban của Hội đồng thi bao gồm: Ban Thư ký; Ban Ra đề và in sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi, bài thi; Ban Coi thi; Ban Làm phách; Ban Chấm thi; Ban Phúc khảo;

- Người có con, em ruột; con, em ruột của vợ hoặc chồng (gọi chung là người thân) dự thi trong năm tổ chức kỳ thi không được tham gia các công việc của Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi.

2. Công tác ra đề, in sao đề thi

2.1. Thành lập Ban Ra đề và in sao đề thi

- Trưởng ban: Lãnh đạo: Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục hoặc phòng Giáo dục Trung học;

- Phó Trưởng ban: Lãnh đạo: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, phòng Giáo dục Trung học Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo trường trung học phổ thông;

- Ủy viên, thư kí: Công chức, viên chức các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; giáo viên, nhân viên các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông. Mỗi môn thi có một Tổ ra đề thi gồm Trưởng môn đề thi và cán bộ soạn, phản biện đề thi;

- Lực lượng bảo vệ: Do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công an tỉnh điều động thực hiện;

- Lực lượng phục vụ, y tế: Do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Y tế điều động thực hiện.

2.2. Đề thi và hướng dẫn chấm thi khi chưa được công bố là bí mật Nhà nước độ “Tối mật” theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Công tác coi thi

3.1. Điểm thi

Căn cứ vào số học sinh đăng kí dự tuyển và cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập các Điểm thi. Mỗi Điểm thi phải đảm bảo yêu cầu quy định về an ninh và cơ sở vật chất.

3.2. Thành phần của Điểm thi

- Điểm thi được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, mọi thành viên làm việc tại Điểm thi từ Trưởng Điểm thi đến các nhân viên phục vụ đều phải có tên trong Quyết định;

- Trưởng Điểm thi: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông;

- Có các phó trưởng Điểm thi, thư kí; trong đó có 01 Phó Trưởng Điểm thi phụ trách cơ sở vật chất là lãnh đạo của cơ sở giáo dục nơi được đặt Điểm thi;

- Cán bộ coi thi: Giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông;

- Cán bộ Giám sát: Cán bộ, giáo viên trường trung học phổ thông, có kinh nghiệm trong công tác tổ chức thi, có trách nhiệm cao và nắm vững quy chế thi.

Ngoài ra, tại mỗi Điểm thi còn có công an, nhân viên y tế, phục vụ làm nhiệm vụ theo Quyết định.

3.3. *Nhiệm vụ:* Vận dụng quy định về công tác coi thi theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

4. Công tác chấm thi

4.1. Ban Chấm thi

- Hội đồng thi có 01 Ban Chấm thi do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập.

- Địa điểm đặt Ban Chấm thi phải đảm bảo yêu cầu quy định về an ninh và cơ sở vật chất.

4.2. Thành phần Ban Chấm thi

- Ban Chấm thi được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, mọi thành viên làm việc tại Ban từ Trưởng ban đến các nhân viên phục vụ đều phải có tên trong Quyết định;

- Cán bộ chấm thi: Công chức, viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo, giáo viên trung học phổ thông. Các trường trung học phổ thông phải cử đúng thành phần và số lượng giáo viên tham gia chấm thi theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ngoài ra, tại Ban chấm thi còn có trật tự viên, công an, nhân viên y tế, phục vụ làm nhiệm vụ theo Quyết định.

4.3. *Nhiệm vụ:* Vận dụng quy định về công tác chấm thi theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

5. Công tác Phúc khảo bài thi

5.1. *Ban Phúc khảo:* Được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, mọi thành viên làm việc tại Ban từ Trưởng ban đến các nhân viên phục vụ đều phải có tên trong Quyết định.

5.2. *Thành phần Ban Phúc khảo và nhiệm vụ của Ban:* Được vận dụng quy định về công tác phúc khảo thi theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành.

Mọi thí sinh đều có quyền được phúc khảo bài thi, thí sinh nộp đơn phúc khảo theo mẫu tại trường trung học phổ thông đã đăng ký dự thi. Trường trung học phổ thông nhận đơn phúc khảo của thí sinh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày công bố điểm thi, chuyển danh sách và đơn đề nghị của thí sinh phúc khảo bài thi đến Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Các Ban còn lại của Hội đồng thi

Do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập và thực hiện các nhiệm vụ tương ứng với Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

7. Các công tác thanh tra, kiểm tra thi; khen thưởng; xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo: Được thực hiện theo các quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức công tác truyền thông rộng rãi để học sinh, phụ huynh học sinh lựa chọn trường dự tuyển phù hợp với năng lực của học sinh, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai;

- Chỉ đạo các trường trung học phổ thông công lập công khai số lượng hồ sơ đã thu ít nhất 2 lần/ngày trên bảng tin và Website của trường để học sinh và phụ huynh học sinh biết; cho phép học sinh được rút hồ sơ, chuyển từ trường này sang trường khác trong những ngày đăng ký dự thi;

- Chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện hoàn thành chương trình, kế hoạch dạy học;

- Hướng dẫn cụ thể các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học phổ thông, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên về công tác tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022 theo Kế hoạch;

- Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các đơn vị có tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông và lớp 10 trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên, phê duyệt kết quả tuyển sinh của từng đơn vị;

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các khâu: Ra đề thi, vận chuyển đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi;

- Tiếp nhận và lưu trữ hồ sơ của các Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, thông báo kết quả tuyển sinh;

- Thống kê, tổng hợp, kết quả tuyển sinh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

- Hướng dẫn thu, sử dụng lệ phí tuyển sinh, đảm bảo kinh phí để tổ chức tuyển sinh; thanh tra, kiểm tra, xử lý những vi phạm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong các kỳ tuyển sinh theo quy định;

- Chỉ đạo các trường trung học phổ thông, các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: Phổ biến, tuyên truyền Kế hoạch này đến cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và nhân dân trên địa bàn; chuẩn bị cơ sở vật chất, hồ sơ thí sinh, tổ chức coi thi, thông báo kết quả, thu, nộp các loại hồ sơ theo quy định. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển đảm bảo nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan

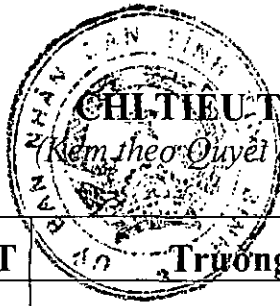
Các cơ quan: Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Y tế, Công ty Điện lực Thái Bình, Báo Thái Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022 theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, các phường, xã, thị trấn và các trường trên địa bàn huyện, thành phố tổ chức công tác truyền thông rộng rãi để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường trên địa bàn phối hợp công tác tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022, trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ với Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết. / *huan*



Phụ lục

CHI TIẾT TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số 855 /QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh)

TT	Trường THPT	Số lớp	Tổng số học sinh	Ghi chú
1	Hung Nhân	13	585	45 hs/lớp
2	Bắc Duyên Hà	13	585	45 hs/lớp
3	Nam Duyên Hà	10	450	45 hs/lớp
4	Đông Hưng Hà	12	540	45 hs/lớp
5	Quỳnh Côi	14	630	45 hs/lớp
6	Quỳnh Thọ	14	630	45 hs/lớp
7	Phụ Dục	14	630	45 hs/lớp
8	Tiên Hưng	12	540	45 hs/lớp
9	Bắc Đông Quan	14	630	45 hs/lớp
10	Nam Đông Quan	11	495	45 hs/lớp
11	Mê Linh	9	405	45 hs/lớp
12	Đông Thụy Anh	14	630	45 hs/lớp
13	Tây Thụy Anh	13	585	45 hs/lớp
14	Thái Ninh	10	450	45 hs/lớp
15	Thái Phúc	10	450	45 hs/lớp
16	Lê Quý Đôn	14	630	45 hs/lớp
17	Nguyễn Đức Cảnh	14	630	45 hs/lớp
18	Nguyễn Trãi	14	630	45 hs/lớp
19	Vũ Tiên	12	540	45 hs/lớp
20	Lý Bôn	13	585	45 hs/lớp
21	Phạm Quang Thâm	7	315	45 hs/lớp
22	Nguyễn Du	12	540	45 hs/lớp
23	Bắc Kiến Xương	12	540	45 hs/lớp
24	Chu Văn An	11	495	45 hs/lớp
25	Bình Thanh	9	405	45 hs/lớp
26	Tây Tiền Hải	14	630	45 hs/lớp
27	Nam Tiền Hải	15	675	45 hs/lớp
28	Đông Tiền Hải	10	450	45 hs/lớp
Tổng cộng		340	15.300	